

Số: /NQ-HĐND

Bình Dương, ngày tháng năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất; dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Dương

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 22 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 790/QĐ-TTg ngày 03 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Dương thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Xét Tờ trình số 2049/TTr-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất; dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Báo cáo thẩm tra số 29/BC-HĐND ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất; dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Dương như sau:

1. Bổ sung 54 công trình, dự án với diện tích 3.190,85 ha vào Danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất; dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Dương, trong đó:

a) Công trình, dự án thu hồi đất là 48 với diện tích 3.169,55 ha (trong đó bao gồm thu hồi diện tích 99,73 ha đất trồng lúa).

(Phụ lục I kèm theo).

b) Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa là 06 với diện tích 21,3 ha.

(Phụ lục II kèm theo).

2. Điều chỉnh (tên gọi, vị trí, diện tích, hình thức thực hiện) 05 công trình, dự án thuộc danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh, diện tích chênh lệch tăng 1,04 ha.

(Phụ lục III kèm theo).

3. Các công trình, dự án tại Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 không có tên trong Phụ lục kèm theo Nghị quyết này vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương khóa X, kỳ họp thứ 22 (chuyên đề) thông qua ngày 11 tháng 4 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- LĐVP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND và UBND cấp huyện;
- Trung tâm Công báo tỉnh Bình Dương;
- Website, Báo, Đài PTTH Bình Dương;
- Các phòng thuộc Văn phòng, App, Web;
- Lưu: VT, Tn (4).

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Lộc

Phụ lục I
DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT BỔ SUNG THỰC HIỆN TRONG NĂM 2025
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH DƯƠNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Pháp lý dự án
						Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã		
A	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA, CÔNG CỘNG	27	80,04	4,43	75,60				
I	Thành phố Thủ Dầu Một	5	4,96	0,00	4,96				
1	Kiên cố Rạch Bảy Gối	UBND thành phố Thủ Dầu Một	0,17		0,17	Công trình dạng tuyến	Chánh Nghĩa	Ngân sách	Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 13/01/2025 của UBND thành phố Thủ Dầu Một về bố trí vốn năm 2025 (Phụ lục I, STT 15: 3.000 triệu đồng)
2	Kiên cố Rạch Cây Nhung	UBND thành phố Thủ Dầu Một	0,14		0,14	Công trình dạng tuyến	Chánh Nghĩa	Ngân sách	Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 13/01/2025 của UBND thành phố Thủ Dầu Một về bố trí vốn năm 2025 (Phụ lục I, STT 17: 3.000 triệu đồng)
3	Kiên cố Rạch Hai Rộng (Lò đường)	UBND thành phố Thủ Dầu Một	0,05		0,05	Công trình dạng tuyến	Chánh Nghĩa	Ngân sách	Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 13/01/2025 của UBND thành phố Thủ Dầu Một về bố trí

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Pháp lý dự án
						Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã		
									vốn năm 2025 (Phụ lục I, STT 16: 4.000 triệu đồng)
4	Mở rộng đường phân khu D13 (từ đường Phạm Ngọc Thạch đến N13 phường Phú Mỹ)	UBND thành phố Thủ Dầu Một	1,80		1,80	Công trình dạng tuyến	Phú Mỹ	Ngân sách	Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 13/01/2025 của UBND thành phố Thủ Dầu Một về bố trí vốn năm 2025 (Phụ lục I, STT 22: 50.000 triệu đồng)
5	Đường Trần Ngọc Lên nối dài	UBND thành phố Thủ Dầu Một	2,80		2,80	Công trình dạng tuyến	Phú Mỹ	Ngân sách	Quyết định số 5377/QĐ-UBND ngày 13/12/2024 của UBND thành phố Thủ Dầu Một về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án
II	Thành phố Thuận An	4	5,77	4,03	1,74				
1	Cơ sở hạ tầng khu Trung tâm Chính trị - Hành chính	UBND thành phố Thuận An	2,52	2,37	0,15	Công trình dạng tuyến	Lái Thiêu	Ngân sách	Quyết định số 9530/QĐ-UBND ngày 26/12/2024 của UBND thành phố Thuận An về việc giao chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu; Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước và Kế hoạch đầu tư công năm 2025 (nguồn vốn phân cấp theo tiêu chí và vốn chính trang đô thị); Mục 167 Phụ lục V; Quyết định số

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Pháp lý dự án
						Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã		
									9623/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND thành phố Thuận An về việc phê duyệt dự án.
2	Nâng cấp, mở rộng đường Lái Thiêu 14	UBND thành phố Thuận An	0,77	0,57	0,20	Công trình dạng tuyến	Lái Thiêu	Ngân sách	Quyết định số 9530/QĐ-UBND ngày 26/12/2024 của UBND thành phố Thuận An về việc giao chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu; Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước và Kế hoạch đầu tư công năm 2025 (nguồn vốn phân cấp theo tiêu chí và vốn chính trang đô thị). Quyết định số 700/QĐ-UBND ngày 17/12/2024 của UBND thành phố Thuận An về việc phê duyệt chủ trương đầu tư.
3	Nâng cấp, mở rộng Trường Tiểu học Bình Hòa 2	UBND thành phố Thuận An	2,26	1,09	1,17	Thửa đất số 1140, tờ bản đồ số 10; một phần thửa đất số 178, 179, tờ bản đồ số 100 (E3)	Bình Hòa	Ngân sách	Quyết định số 3834/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND tỉnh về việc phân bổ chi tiết Kế hoạch đầu tư công năm 2025 vốn ngân sách Nhà nước

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Pháp lý dự án
						Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã		
4	Xây dựng tuyến nhánh đường Hưng Định 01	UBND thành phố Thuận An	0,22		0,22	Công trình dạng tuyến	Hưng Định	Ngân sách	Quyết định số 789/QĐ-UBND ngày 01/3/2022 của UBND thành phố Thuận An về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; Quyết định số 2564/QĐ-UBND ngày 23/6/2022 của UBND thành phố Thuận An về việc phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình
III	Thành phố Dĩ An	2	0,48	0,21	0,27				
1	Nâng cấp, mở rộng đường Phan Huy Ích, một phần đường số 7 và một phần đường số 12, phường Dĩ An	Ban QLDA ĐTXD KV thành phố Dĩ An	0,38	0,21	0,17	Công trình dạng tuyến	Dĩ An	Ngân sách	Quyết định số 398/QĐ-UBND ngày 14/2/2025 của UBND thành phố Dĩ An về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án; Quyết định số 8105/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND thành phố Dĩ An về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án
2	Xây dựng đường nối từ đường Võ Thị Sáu đến đường GS14, phường Đông Hòa	Ban QLDA ĐTXD KV thành phố Dĩ An	0,10		0,10	Công trình dạng tuyến	Đông Hòa	Ngân sách	Quyết định số 7808/QĐ-UBND ngày 26/12/2024 của UBND thành phố Dĩ An về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công 2025

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Pháp lý dự án
						Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã		
IV	Thành phố Tân Uyên	5	0,59	0,19	0,39				
1	Trạm y tế phường Tân Hiệp	UBND thành phố Tân Uyên	0,29	0,19	0,09	Thửa đất số 1188, 1189 tờ bản đồ số 20	Tân Hiệp	Ngân sách	Quyết định số 9649/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND thành phố Tân Uyên về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch đầu tư công năm 2025 (Nguồn vốn do thành phố quản lý)
2	Công trình Xây dựng Hoa viên khu phố An Thành	UBND thành phố Tân Uyên	0,23		0,23	Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 11	Thái Hòa	Ngân sách	Quyết định số 2165/QĐ-UBND ngày 22/9/2020 của UBND thị xã Tân Uyên về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình: Xây dựng hoa viên khu phố An Thành và Quyết định số 5964/QĐ-UBND ngày 14/9/2022 của UBND thị xã Tân Uyên về giao chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022 (nguồn vốn do thị xã quản lý) - lần 2
3	Xây dựng bờ kè chống sạt lở sông Đồng Nai đoạn từ cầu Rạch Tre đến Thị ủy Tân Uyên - Giai đoạn 2	UBND thành phố Tân Uyên	0,05		0,05	Công trình dạng tuyến	Uyên Hưng	Ngân sách	Thu hồi đất manh mún (Phần diện tích còn lại sau khi thu hồi không đủ điều kiện để tiếp tục sử dụng)

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Pháp lý dự án
						Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã		
4	Tuyến ống thu gom nước thải từ đường ĐT.743 về nhà máy xử lý nước thải (dọc suối Bung Cù) dự án thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An, Thuận An và Tân Uyên	UBND thành phố Tân Uyên	0,01		0,01	Công trình dạng tuyến	Thái Hòa	Ngân sách	Thu hồi đất manh mún (Phần diện tích còn lại sau khi thu hồi không đủ điều kiện để tiếp tục sử dụng)
5	Xây dựng mương thoát nước, đường dân sinh, đường vào trạm thuộc công trình Trạm biến áp 500kV Tân Uyên và đấu nối	UBND thành phố Tân Uyên	0,01		0,01	Công trình dạng tuyến	Thái Hòa	Ngân sách	Thu hồi đất manh mún (Phần diện tích còn lại sau khi thu hồi không đủ điều kiện để tiếp tục sử dụng)
V	Thành phố Bến Cát	2	1,28	0,00	1,28				
1	Nâng cấp tuyến đường Phú An 022	Ban QLDA ĐTXD KV thành phố Bến Cát	0,02		0,02	Công trình dạng tuyến	Phú An	Ngân sách	Quyết định số 4069/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND thành phố Bến Cát về việc phê duyệt dự án; Quyết định số 3648/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND thành phố Bến Cát về việc giao Kế hoạch đầu tư công năm 2025
2	Dự án Khu dân cư Mỹ Phước 4 - Khu B	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thuận Lợi	1,26		1,26	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 59, 62	Mỹ Phước	Doanh nghiệp	Thông báo số 107/TB-UBND ngày 31/3/2025 của UBND tỉnh về kết luận của đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp xử lý các vấn đề liên quan đến lĩnh vực

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Pháp lý dự án
						Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã		
									nông nghiệp và môi trường
VI	Huyện Phú Giáo	6	2,71	0,00	2,71				
1	Dự án Nâng cấp, mở rộng đường Bàu Đé (từ đường ĐH 506 đến đường Tạo lực)	UBND huyện Phú Giáo	1,50		1,50	Công trình dạng tuyến	Vĩnh Hòa	Ngân sách	Quyết định số 5877/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND huyện Phú Giáo về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án
2	Nâng cấp BTXM đường Phước Sang 9	UBND huyện Phú Giáo	0,20		0,20	Công trình dạng tuyến	Phước Sang	Ngân sách	Quyết định số 320/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND xã Phước Sang về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 19/12/2024 của HĐND xã Phước Sang về Kế hoạch đầu tư công năm 2025
3	Xây dựng sới đo đường Bàu Đé nối dài ĐH.519	UBND huyện Phú Giáo	0,28		0,28	Công trình dạng tuyến	Phước Sang	Ngân sách	Quyết định số 318/QĐUBND ngày 31/12/2024 của UBND xã Phước Sang về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 19/12/2024 của HĐND xã Phước Sang về Kế hoạch đầu tư công năm

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Pháp lý dự án
						Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã		
									2025
4	Xây dựng sới đồ đường Hồ Cục nhánh 2	UBND huyện Phú Giáo	0,26		0,26	Công trình dạng tuyến	Phước Sang	Ngân sách	Quyết định số 319/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND xã Phước Sang về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 19/12/2024 của HĐND xã Phước Sang về Kế hoạch đầu tư công năm 2025
5	Nâng cấp BTNN đoạn nối tiếp đường 30/4 số 12, xã An Linh (đoạn từ ngã tư nhà ông Chân đến hết đường)	UBND huyện Phú Giáo	0,12		0,12	Công trình dạng tuyến	An Linh	Ngân sách	Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 26/7/2024 của UBND xã An Linh về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình
6	Nâng cấp làm mới sới đồ đầu nối đường Nhánh số 01 của đường ấp Phú Bằng số 07 xã An Linh	UBND huyện Phú Giáo	0,35		0,35	Công trình dạng tuyến	An Linh	Ngân sách	Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 05/8/2024 của UBND xã An Linh về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình
VII	Huyện Bắc Tân Uyên	3	64,25	0,00	64,25				

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Pháp lý dự án
						Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã		
1	Trạm cấp nước cho Trung tâm huyện Bắc Tân Uyên	Công ty CP-Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương	2,05		2,05	Thửa đất số 4, tờ bản đồ số 30	Tân Thành	Doanh nghiệp	Văn bản số 4315/UBND-KTN ngày 09/12/2014 của UBND tỉnh Bình Dương
2	Dự án bồi thường và giải phóng mặt bằng để xây dựng Khu Căn cứ hậu cần - kỹ thuật tại huyện Bắc Tân Uyên	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	60,00		60,00	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 37	Lạc An	Ngân sách	Văn bản số 1992/UBND-KTN ngày 15/5/2018 của UBND tỉnh Bình Dương
3	Mở mới đường ĐH-415 đi Chiền khu D	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	2,20		2,20	Công trình dạng tuyến	Đất Cuốc		Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày 25/7/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Bắc Tân Uyên
B	CÔNG TRÌNH THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN THEO HÌNH THỨC ĐẦU THẦU LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ	20	3.093,34	0,00	3.093,34				
I	Thành phố Dĩ An	14	383,77		383,77				
1	Khu đất cơ sở giáo dục đào tạo		1,97		1,97		Bình An	Đấu thầu thực hiện dự án	
2	Khu đô thị mới khu vực Suối Cây Sao		16,00		16,00		Tân Bình	Đấu thầu thực hiện dự án	

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Pháp lý dự án
						Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã		
3	Khu đô thị mới Vành đai 3 Tân Bình - Khu A		8,80		8,80		Tân Bình	Đấu thầu thực hiện dự án	
4	Khu đô thị mới Vành đai 3 Tân Bình - Khu B		10,00		10,00		Tân Bình	Đấu thầu thực hiện dự án	
5	Khu đô thị mới Vành đai 3 -I		223,29		223,29		Bình An	Đấu thầu thực hiện dự án	
6	Cải tạo chỉnh trang các khu đất đoạn giao giữa Quốc lộ 1K trục chính Đông Tây và Vành đai ĐHQG - Khu 1		3,34		3,34		Đông Hòa	Đấu thầu thực hiện dự án	Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của UBND tỉnh về kế hoạch thực hiện Đề án khai thác quỹ đất của tỉnh Bình Dương năm 2025
7	Cải tạo chỉnh trang các khu đất đoạn giao giữa Quốc lộ 1K trục chính Đông Tây và Vành đai ĐHQG - Khu 2		2,43		2,43		Đông Hòa	Đấu thầu thực hiện dự án	Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của UBND tỉnh về kế hoạch thực hiện Đề án khai thác quỹ đất của tỉnh Bình Dương năm 2025
8	Cải tạo chỉnh trang các khu đất đoạn giao giữa Quốc lộ 1K trục chính Đông Tây và Vành đai ĐHQG - Khu 3		1,94		1,94		Đông Hòa	Đấu thầu thực hiện dự án	Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của UBND tỉnh về kế hoạch thực hiện Đề án khai thác quỹ đất của tỉnh Bình Dương năm 2025

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Pháp lý dự án
						Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã		
9	Cải tạo chỉnh trang các khu đất đoạn giao giữa Quốc lộ 1K trục chính Đông Tây và Vành đai ĐHQG - Khu 4		3,54		3,54		Đông Hòa	Đấu thầu thực hiện dự án	Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của UBND tỉnh về kế hoạch thực hiện Đề án khai thác quỹ đất của tỉnh Bình Dương năm 2025
10	Khu đô thị mới số 4		12,46		12,46		Tân Đông Hiệp	Đấu thầu thực hiện dự án	
11	Khu đô thị mới số 5		27,53		27,53		Bình Thắng	Đấu thầu thực hiện dự án	
12	Khu đô thị mới VD3-V		17,97		17,97		Bình An	Đấu thầu thực hiện dự án	
13	Khu đô thị mới khu vực Hồ Bình An		38,00		38,00		Bình An	Đấu thầu thực hiện dự án	
14	Khu tái thiết đô thị chuyển đổi Khu công nghiệp Bình Dương		16,50		16,50		An Bình	Đấu thầu thực hiện dự án	
II	Huyện Bắc Tân Uyên	1	500,80	0,00	500,80				

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Pháp lý dự án
						Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã		
1	Khu Đô thị mới VĐ4-V		500,80		500,80	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 31, 10, 11, 37, 25, 26 (Tân Thành); tờ bản đồ số 17 Tân Lập	Tân Thành, Tân Lập	Đấu thầu thực hiện dự án	Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của UBND tỉnh về kế hoạch thực hiện Đề án khai thác quỹ đất của tỉnh Bình Dương năm 2025 (Trong đó bao gồm: Tổ hợp khu đô thị kết hợp vui chơi, giải trí, TMDV và khách sạn, diện tích 279,1ha; Khu phức hợp sân golf kết hợp TMDV khách sạn và biệt thự nghỉ dưỡng, diện tích 221,7ha)
III	Huyện Dầu Tiếng	5	2.208,77	0,00	2.208,77				
1	Khu dịch vụ du lịch sinh thái hồ Cần Nôm		1.153,00		1.153,00	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 4, 15,16, 17, 18, 19,51, 52, 53, 55, 56	Thanh An	Đấu thầu thực hiện dự án	Văn bản số 4444/UBND-KT ngày 14/8/2024 của UBND tỉnh về việc lập quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5.000 Khu du lịch sinh thái đập Thị Tính và Khu dịch vụ du lịch sinh thái nghỉ dưỡng hồ Cần Nôm

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Pháp lý dự án
						Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã		
2	Khu dịch vụ du lịch sinh thái Cánh đồng Cây Siu		222,00		222ha (trong đó có 99,73ha đất trồng lúa)	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 30, 31, 32, 33, 34, 41, 42	Thanh Tuyên	Đấu thầu thực hiện dự án	Văn bản số 2834/UBND-KT ngày 04/6/2024 của UBND tỉnh về việc lập quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu dịch vụ du lịch sinh thái Cánh đồng Cây Siu, huyện Dầu Tiếng; Tờ trình số 59/TTr-UBND ngày 28/3/2025 của UBND huyện Dầu Tiếng về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu dịch vụ du lịch sinh thái Cánh đồng Cây Siu, huyện Dầu Tiếng
3	Khu dịch vụ du lịch sinh thái Đập Thị Tính		575,00		575,00	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 14, 15, 16, 26, 37 Long Hòa. Tờ bản đồ số 6, 12 An Lập. Tờ bản đồ số 67, 68, 69, 71,72	An Lập, Long Hòa, Định Hiệp	Đấu thầu thực hiện dự án	Văn bản số 4444/UBND-KT ngày 14/8/2024 của UBND tỉnh về việc lập quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5.000 Khu du lịch sinh thái đập Thị Tính và Khu dịch vụ du lịch sinh thái nghỉ dưỡng hồ Càn Nôm

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Pháp lý dự án
						Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã		
4	Khu dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và giải trí tại bán đảo Tha La		208,77		208,77	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 44, 51	Định Thành	Đấu thầu thực hiện dự án	Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 25/02/2025 của UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và giải trí tại bán đảo Tha La, hồ Dầu Tiếng. Trong đó, không bao gồm thu hồi diện tích 249,23 ha đất rừng phòng hộ thuộc danh quy hoạch dự án
5	Cụm công nghiệp Long Tân		50,00		50,00	Các thửa đất thuộc dự án	Long Tân	Đấu thầu thực hiện dự án	
C	CÔNG TRÌNH THU HỒI ĐẤT ĐỂ ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	1	0,61	0,00	0,61				
1	Huyện Dầu Tiếng	1	0,61	0,00	0,61				
1	Khu đất xây dựng trường Tiểu học Dầu Tiếng, Trung tâm dạy nghề và Khu tái định cư thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương		0,61		0,61		Dầu Tiếng	Đấu giá quyền sử dụng đất	
	TỔNG (A+B+C)	48	3.173,99	4,43	3.169,55				

Phụ lục II
DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA
BỔ SUNG THỰC HIỆN TRONG NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH DƯƠNG
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Pháp lý dự án
						Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã		
I	Thành phố Thuận An	1	29,41	28,72	0,69				
1	Dự án Khu dân cư Vĩnh Phú I	Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng - Thương mại Vũ Kiều	29,41	28,72	0,69	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số C4 (DC7), D3 (DC10)	Vĩnh Phú	Doanh nghiệp	Văn bản số 15/CV-VK25 ngày 04/4/2025 của Công ty về việc đăng ký thông qua HĐND tỉnh danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa
II	Huyện Bắc Tân Uyên	5	78,59	57,98	20,61				
1	Dự án khai thác khoáng sản (Mỏ đá xây dựng Thường Tân VIII của Công ty Cổ phần Khoáng sản Xây dựng Tân Uyên Fico)	Công ty Cổ phần Khoáng sản Xây dựng Tân Uyên Fico	30,23	28,13	2,10	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 8, 9, 18	Thường Tân	Doanh nghiệp	Giấy phép khai thác khoáng sản số 03/GP-UBND ngày 09/01/2020 của UBND tỉnh cấp cho Công ty Cổ phần Khoáng sản Xây dựng Tân Uyên Fico (Mỏ đá xây dựng Thường Tân VIII); Văn bản số 89/VB-FICO2025 ngày 08/3/2025 của Công ty về việc đăng ký thông qua HĐND tỉnh danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa
2	Dự án khai thác khoáng sản (Mỏ đá xây dựng Tân Mỹ của Công ty	Công ty TNHH Sản xuất -	8,12		8,12	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 48, 49, 50,	Tân Mỹ	Doanh nghiệp	Giấy phép khai thác khoáng sản số 266/GP-UBND ngày 16/12/2016

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Pháp lý dự án
						Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã		
	TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Tân Tân Mỹ)	Thương mại - Dịch vụ Tân Tân Mỹ				58, 59			của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Tân Tân Mỹ; Văn bản số 15/VB-TTM ngày 18/3/2025 của Công ty về việc đăng ký thông qua HĐND tỉnh danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa
3	Dự án khai thác khoáng sản (Mỏ đá xây dựng Tân Mỹ của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương)	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	2,27		2,27	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 58	Tân Mỹ	Doanh nghiệp	Giấy phép khai thác khoáng sản số 134/GP-UBND ngày 28/8/2015 của UBND tỉnh cấp cho Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương; Văn bản số 88/2025/KSB-QLĐĐ.DA ngày 03/4/2025 của Công ty về việc đăng ký thông qua HĐND tỉnh danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa
4	Dự án khai thác khoáng sản (Mỏ đá xây dựng Thường Tân III của Công ty Cổ phần Xây dựng Bình Dương)	Công ty Cổ phần Xây dựng Bình Dương	1,36		1,36	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 29, 30	Thường Tân	Doanh nghiệp	Giấy phép khai thác khoáng sản số 78/GP-UBND ngày 09/9/2019 của UBND tỉnh cấp cho Công ty Cổ phần Xây dựng Bình Dương; Văn bản số 16/XDBD ngày 03/4/2025 của Công ty về việc đăng

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm		Nguồn vốn	Pháp lý dự án
						Vị trí: số tờ, thửa	Cấp xã		
									ký thông qua HĐND tỉnh danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa
5	Dự án khai thác khoáng sản (Mỏ đá xây dựng Thường Tân VII, Khu 2 của Công ty Cổ phần Miền Đông)	Công ty Cổ phần Miền Đông	36,61	29,85	6,76	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 8, 17	Thường Tân	Doanh nghiệp	Văn bản số 08/VB-MĐ ngày 03/4/2025 của Công ty về việc đăng ký thông qua HĐND tỉnh danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa
	TỔNG	6	108,00	86,70	21,30				

Phụ lục III
DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT CÓ ĐIỀU CHỈNH VỀ TÊN GỌI, VỊ TRÍ, DIỆN TÍCH,
HÌNH THỨC THỰC HIỆN; BỔ SUNG THÔNG TIN DIỆN TÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA TRONG NĂM 2025
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH DƯƠNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Trước điều chỉnh					Sau điều chỉnh					Chênh lệch (ha)
	Hạng mục	Diện tích (ha)	Vị trí: Số tờ, số thửa	Cấp xã	Năm đăng ký kế hoạch	Hạng mục	Diện tích (ha)	Vị trí: Số tờ, số thửa	Cấp xã	Nguồn vốn	
A	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA, CÔNG CỘNG	3,00					4,03				1,03
I	Thành phố Tân Uyên	3,00					4,03				1,03
1	Nâng cấp, mở rộng đường từ ngã tư Bình Chuẩn đến ngã ba giao với tuyến đường Đài Liệt sỹ Tân Phước Khánh, thành phố Tân Uyên	3,00	Công trình dạng tuyến	Tân Phước Khánh	Năm 2020	Nâng cấp, mở rộng đường từ ngã tư Bình Chuẩn đến ngã ba giao với tuyến đường Đài Liệt sỹ Tân Phước Khánh, thành phố Tân Uyên	4,03	Công trình dạng tuyến	Tân Phước Khánh, Tân Vĩnh Hiệp	Ngân sách	1,03
B	CÔNG TRÌNH THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN THEO HÌNH THỨC ĐÁU THÀU LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ	984,47					984,48				0,01

STT	Trước điều chỉnh					Sau điều chỉnh					Chênh lệch (ha)
	Hạng mục	Diện tích (ha)	Vị trí: Số tờ, số thửa	Cấp xã	Năm đăng ký kế hoạch	Hạng mục	Diện tích (ha)	Vị trí: Số tờ, số thửa	Cấp xã	Nguồn vốn	
I	Thành phố Tân Uyên	587,10					587,11				0,01
1	Khu đô thị mới VĐ4-III (Giai đoạn 1: Triển khai thực hiện diện tích 169,5ha) + Khu đô thị mới VĐ4-VIII (Giai đoạn 1: Triển khai thực hiện diện tích 124,3ha)	293,8	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 7, 10, 11, 12, 13, 16, 17, 18, 19, 21, 22, 23, 24, 27, 28	Vĩnh Tân	Năm 2025	Khu đô thị mới Vĩnh Tân 1	293,80	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 7, 10, 11, 12, 13, 16, 17, 18, 19, 21, 22, 23, 24, 27, 28	Vĩnh Tân	Đấu thầu thực hiện dự án	0,00
2	Khu đô thị mới VĐ4-III (Giai đoạn 2: Triển khai thực hiện diện tích 284,9ha)	284,90	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 22, 23, 24, 28, 29, 30, 33, 34, 37, 38	Vĩnh Tân	Năm 2025	Khu đô thị mới Vĩnh Tân 2	284,90	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 22, 23, 24, 28, 29, 30, 33, 34, 37, 38	Vĩnh Tân	Đấu thầu thực hiện dự án	0,00
3	Dự án: Tổ hợp giáo dục - đào tạo (Đại học, đào tạo nghề, trung học phổ thông, trung học cơ sở, tiểu học) - Giai đoạn 1	8,4ha (trong đó có 7,83ha đất trồng lúa)	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 16	Thái Hòa	Năm 2024	Dự án: Tổ hợp giáo dục - đào tạo (Đại học, đào tạo nghề, trung học phổ thông, trung học cơ sở, tiểu học) - Giai đoạn 1	8,41ha (trong đó có 7,83ha đất trồng lúa)	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 16	Thái Hòa	Đấu thầu thực hiện dự án	0,01

STT	Trước điều chỉnh					Sau điều chỉnh					Chênh lệch (ha)
	Hạng mục	Diện tích (ha)	Vị trí: Số tờ, số thửa	Cấp xã	Năm đăng ký kế hoạch	Hạng mục	Diện tích (ha)	Vị trí: Số tờ, số thửa	Cấp xã	Nguồn vốn	
II	Huyện Phú Giáo	397,37					397,37				0,00
1	Khu liên hợp xử lý chất thải rắn	397,37	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 31	Tân Long	Năm 2025	Khu liên hợp xử lý chất thải rắn	397,37	Một số thửa đất thuộc tờ bản đồ số 31	Tân Long	Đầu thầu thực hiện dự án	0,00
	TỔNG	987,47					988,51				1,04